SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Tên ngành: Chăm sóc sắc đẹp. **Mã ngành: 5810404**

HỌC KỲ 1 (15 Tín chỉ)

- *Tiếng Anh MH2072101,4(2,2,6)*
- Tin học MH2101201, 2(1,1,3)
- Kiểm soát nhiễm khuẩn MH2062233, 2(2,0,4)
- Thẩm mỹ học MH2062231, 2(2,0,4)
- Vẽ mỹ thuật MĐ2062230, 3(2,1,5)
- Tổng quan về ngành Chăm sóc sắc đẹp MH2062232, 2(2,0,4)

HỌC KỲ 2 (16 Tín chỉ)

- GD Chính trị MH2108019, 2(2,0,4)
- Pháp luật MH2108103,1(1,0,2)
- GD QP&AN MH2109020, 2(1,1,3)
- KT Trang điểm cơ bản MĐ2062241, 2(1,1,3)
- Chăm sóc móng cơ bản MĐ2062239, 2(1,1,3)
- Kỹ thuật Massage MĐ2062238, 3(2,1,5)
- KT Chăm sóc da cơ bản MĐ2062235, 3(2,1,5)
- GD Thể chất MH2109105, 1(0,1,1)

HỌC KỲ 3 (15 Tín chỉ)

- KT Chăm sóc da nâng cao MĐ2062236, 3(1,2,4)
- Anh văn CN MH2062234, 2(2,0,4)
- Chăm sóc - tạo mẫu tóc cơ bản MĐ2062237, 3(1,2,4)
- Đắp móng - vẽ tạo hình móng MĐ2062240, 2(1,1,3)
- Kỹ thuật trang điểm nâng cao MĐ2062242, 3(1,2,4)
- Khởi tạo doanh nghiệp MH2062243, 2(2,0,4)

HỌC KỲ 4 (11 Tín chỉ)

- **TT. Tốt nghiệp** MĐ2062244, 6(0,6,6)

Tự chọn (5 TC)

- **Khóa luận TN** MĐ2062245, 5TC
- **Nhuộm- tạo mẫu tóc** MĐ2062247, 3(2,1,5)
- **Quản lý spa** MH2062246, 2(2,0,4)